

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC
ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 từ trang 7 đến trang 45 kèm theo.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Bà Phạm Quang Minh Thủy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên
Ông Lý Thọ Đắc	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Lương Thanh Sáng	Trưởng ban
---------------------	------------

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Thái	Giám đốc
Ông Lý Thọ Đắc	Phó Giám đốc
Ông Thái Minh Hoà	Phó Giám đốc
Ông Diệp Nguyên Thịnh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phán	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này là Ông Ngô Thanh Nhiên.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Quốc Thái
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 7 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm lập báo cáo kiểm toán, số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể như sau: Phải thu ngắn hạn của khách hàng (MS 131) với số tiền 59.359.280.885 đồng, Trả trước cho người bán ngắn hạn (MS 132) với số tiền 22.008.827.624 đồng, Phải thu ngắn hạn khác (MS 136) với số tiền 4.982.514.579 đồng, Phải trả người bán ngắn hạn (MS 311) với số tiền 7.038.385.768 đồng, Người mua trả tiền trước ngắn hạn (MS 312) với số tiền 7.910.026.065 đồng và Phải trả ngắn hạn khác (MS 319) với số tiền 8.768.872.981 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác, quyền và nghĩa vụ của khoản mục công nợ này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau thời điểm Công ty thực hiện kiểm kê tài sản, nên chúng tôi đã không thể tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015. Với tình hình thực tế, kết quả kiểm kê của Công ty và các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đảm bảo tính hiện hữu của khoản mục Hàng tồn kho với số tiền 13.747.894.764 đồng trên Bảng Cân đối kế toán cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Tại ngày 31/12/2015, số dư công nợ phải thu với đối tượng Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM là 104.686.469.986 đồng (viết tắt là “Trung tâm”), trong đó phần số dư phát sinh trong năm 2015 là 112.604.885.000 đã được Trung tâm thanh toán trong năm 2016, số dư còn lại phát sinh từ năm 2014 trở về trước với số tiền âm (-) 7.864.666.014 đồng, chúng tôi chưa có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu. Theo đó, với số dư phát sinh từ năm 2014 trở về trước số tiền âm (-) 7.864.666.014 đồng, chúng tôi chưa có cơ sở để điều chỉnh trên sổ sách cũng như xác định những ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Tại ngày 31/12/2015, Công ty chưa phân tích đánh giá việc trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ phải thu với số tiền 15.795.984.916 đồng. Theo đó, chúng tôi chưa đủ cơ sở để ước tính các khoản dự phòng này cũng như đánh giá những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính năm 2015.

Công ty đang chờ Biên bản chính thức về kết quả kiểm tra của Chi cục Tài chính doanh nghiệp về Báo cáo tài chính năm 2013, do đó Công ty hiện đang trình bày chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2013 theo số liệu tạm tính mà chưa thực hiện trình bày theo Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - CN tại TP.HCM với số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải ghi nhận bổ sung là 7.481.891.027 đồng. Theo đó, nếu số liệu này được trình bày lại thì chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” tại ngày 01/01/2014, 31/12/2014 và ngày 31/12/2015 sẽ giảm đi tương ứng với số tiền 7.481.891.027 đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Một số chỉ tiêu sau đây chưa được điều chỉnh căn cứ theo Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước ngày /12/2015, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (MS 411), “Tài sản cố định vô hình” (MS 227) và “Nguyên giá” (MS 228) với số tiền 933.120.000 đồng, do việc giảm vốn tùy thuộc vào Quyết định của Chủ sở hữu.
- Điều chỉnh các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán, cụ thể giảm chỉ tiêu “Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi” (MS 137) với số tiền 8.681.126.069 đồng và giảm chỉ tiêu “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (MS 153) với số tiền 1.909.847.735 đồng và tăng chỉ tiêu “LNST chưa phân phối kỳ này” (MS 421b) với số tiền 6.771.278.334 đồng. Điều chỉnh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể: điều chỉnh giảm chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” với số tiền 8.681.126.069 đồng, tăng chỉ tiêu “Chi phí thuế TNDN hiện hành” với số tiền 1.909.847.735 đồng và tăng chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế TNDN” với số tiền 6.771.278.334 đồng. Vì số dư nợ gốc của những khoản công nợ này theo quy định đã quá thời hạn thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được.

Tại thời điểm kiểm toán, quỹ lương năm 2015 của Công ty đang tạm tính và vẫn chưa được các cơ quan chức năng phê duyệt. Theo đó, quỹ lương năm 2015 sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt quyết toán chính thức.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán.

Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CN TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015 VND	Tại 01/01/2015 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		379.860.068.720	405.422.379.387
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	49.379.492.840	82.133.336.840
Tiền	111		23.447.056.825	40.612.882.595
Các khoản tương đương tiền	112		25.932.436.015	41.520.454.245
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	27.939.626.468	17.367.974.530
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		27.939.626.468	17.367.974.530
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		242.098.139.109	262.116.073.661
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	202.468.221.619	227.488.038.114
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41.208.472.931	20.386.088.764
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.103.441.732	27.250.264.384
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(16.681.997.173)	(13.008.317.601)
Hàng tồn kho	140	10	35.429.066.944	12.507.654.884
Hàng tồn kho	141		35.429.066.944	12.507.654.884
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.013.743.359	31.297.339.472
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	25.013.743.359	31.297.339.472
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.184.541.393	154.104.740.858
Tài sản cố định	220		119.466.892.609	130.047.633.947
Tài sản cố định hữu hình	221	11	115.083.825.563	128.038.243.140
- Nguyên giá	222		332.773.048.765	322.617.133.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(217.689.223.202)	(194.578.890.716)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.383.067.046	2.009.390.807
- Nguyên giá	228		4.788.552.500	2.088.410.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(405.485.454)	(79.019.693)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.121.327.338	8.209.563.746
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.121.327.338	8.209.563.746
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	9.302.720.438	6.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.000.000.000	6.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(797.279.562)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.100.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		8.293.601.008	9.347.543.165
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	8.293.601.008	9.347.543.165
TỔNG TÀI SẢN	270		525.044.610.113	559.527.120.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		182.414.791.662	229.877.941.635
Nợ ngắn hạn	310		180.714.791.662	229.177.941.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	20.173.226.450	10.050.485.228
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.553.871.465	4.275.842.555
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	34.550.415.076	60.664.367.486
Phải trả người lao động	314		53.282.291.983	65.288.720.911
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.770.719.331	6.536.363.968
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.515.167.350	51.024.831.162
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	32.784.742.274	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.084.357.733	31.337.330.325
Nợ dài hạn	330		1.700.000.000	700.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.700.000.000	700.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.629.818.451	329.649.178.610
Vốn chủ sở hữu	410	20	339.231.996.644	325.836.224.582
Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.326.426.678	227.676.782.523
Vốn khác của chủ sở hữu	414		58.504.103.734	58.504.103.734
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	10.296.053.344
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.401.466.232	29.359.284.981
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.005.694.170	25.629.682.146
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.395.772.062	3.729.602.835
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	21	3.397.821.807	3.812.954.028
Nguồn kinh phí	431		3.397.821.807	3.812.954.028
TỔNG NGUỒN VỐN	440		525.044.610.113	559.527.120.245

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Thu

Ngô Thanh Nhiên

Nguyễn Quốc Thái

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	559.986.467.232	511.467.054.021
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		559.986.467.232	511.467.054.021
Giá vốn hàng bán	11	23	463.824.916.459	434.431.076.717
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.161.550.773	77.035.977.304
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.921.781.312	5.012.292.911
Chi phí tài chính	22	25	848.578.832	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>51.299.270</i>	-
Chi phí bán hàng	25	26	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	70.280.094.172	56.926.878.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.954.659.081	25.121.391.416
Thu nhập khác	31	27	660.993.639	1.100.317.869
Chi phí khác	32	28	11.034.545	2.657.971.969
Lợi nhuận khác	40		649.959.094	(1.557.654.100)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.604.618.175	23.563.737.316
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.283.596.113	5.834.134.481
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.321.022.062	17.729.602.835

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Thư

Ngô Thanh Nhiên

Nguyễn Quốc Thái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
 Tại ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		28.604.618.175	23.563.737.316
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.436.798.247	26.857.762.086
Các khoản dự phòng	03		4.470.959.134	2.728.671.869
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.833.544.904)	(5.154.292.911)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		53.678.830.652	47.995.878.360
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.730.760.342	10.613.969.281
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.921.412.060)	(7.463.492.196)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(73.415.695.223)	(28.320.184.086)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.053.942.157	1.390.143.878
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(34.921.261.506)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	4.941.290.297
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(26.593.354.813)	(19.361.645.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(45.466.928.945)	(25.125.301.862)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.718.877.454)	(3.825.699.273)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	142.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71.707.404.246)	(57.367.974.530)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.035.752.308	40.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.500.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.818.872.063	5.012.292.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(20.071.657.329)	(16.039.380.892)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		37.784.742.274	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		32.784.742.274	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32.753.844.000)	(41.164.682.754)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	82.133.336.840	123.298.019.594
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	49.379.492.840	82.133.336.840

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Thư

Ngô Thanh Nhiên

Nguyễn Quốc Thái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 5348/QĐ-UB-KT ngày 02/07/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06/01/1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04/07/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và điều chỉnh lần 06 ngày 04/11/2009.

Ngày 16/08/2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (tên giao dịch là : HO CHI MINH CITY URBAN DRAINAGE COMPANY LIMITED, tên viết tắt là: UDC HCMC) theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/08/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26/01/2016.

Tên viết tắt: UDC HCMC

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 của Công ty là 240.327.000.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: Số 08 Bis Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ và xây dựng

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước (xây dựng và hoàn thiện). Khảo sát địa hình công trình xây dựng;
- Hoạt động công ích: quản lý, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước, cửa xả, vớt rác, nạo vét bùn đất kênh rạch;
- Hoạt động kinh doanh khác: xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải. Sản xuất, kinh doanh vật tư chuyên ngành. Tư vấn khảo sát thiết kế công trình thoát nước và xử lý nước thải. Kinh doanh địa ốc. Sửa chữa, xây dựng mới mặt đường và vỉa hè. Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công trình thoát nước. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường. Xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; rác thải độc hại; xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; tái chế phế liệu từ bùn và chất thải rắn; rác thải độc hại và không độc hại. Sửa chữa máy móc, thiết bị. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng các công trình công ích. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác./.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.4 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình sẽ khác nhau. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động công ích, thi công các công trình xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty đối với hoạt động công ích là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên trong năm. Đối với thi công các công trình xây dựng, chu kỳ thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, nhu cầu của thị trường cũng như các chính sách kích cầu của Nhà nước sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các Công ty cùng ngành đang ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp hạ tầng đô thị cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con.

Công ty liên kết của Công ty là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật ngầm.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KỲ KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, ngoại trừ một số thay đổi do áp dụng chế độ kế toán mới theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh; đầu tư chứng khoán; cho vay có kỳ hạn và các công cụ nợ; đầu tư vào các công cụ vốn của các doanh nghiệp mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu. Các khoản đầu tư được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm là chi phí thực hiện các hợp đồng dịch vụ chưa hoàn thành.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Công ty áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-10

Đối với các tài sản cố định khác nguyên giá 58.504.103.734 đồng: Công ty không trích khấu hao do không thuộc sở hữu của Công ty. Công ty chỉ tạm tăng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành Phố và Sở tài chính. Tham chiếu tại thuyết minh số 10.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Bravo, Phần mềm giám sát điều khiển hệ thống bơm thoát nước được khấu hao trong 3 năm và Bản quyền phần mềm Sonic Wall TZ 205 - 25 node (hệ thống máy chủ PM kế toán kết nối Xí nghiệp) khấu hao trong 10 năm.

4.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

4.9 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Khi có biên bản bàn giao, quyết toán khối lượng công trình hoàn thành và biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích cho khách hàng;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý các công trình hoàn thành như là người sở hữu các công trình hoặc quyền kiểm soát các công trình;
- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc chuyển giao các công trình hoàn thành;
- Xác định được chi phí liên quan đến các công trình đã hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Công ty thực hiện điều chỉnh doanh thu căn cứ theo năm mà hai bên ký thống nhất lại quyết toán doanh thu sau khi có sự thay đổi về đơn giá.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn các công trình xây dựng được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	276.231.655	151.111.475
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.170.825.170	40.461.771.120
Các khoản tương đương tiền (*)	25.932.436.015	41.520.454.245
Cộng	49.379.492.840	82.133.336.840

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.000.000.000	4.202.720.438	797.279.562	6.500.000.000	6.500.000.000	-
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5.000.000.000	4.202.720.438	797.279.562	6.500.000.000	6.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thiết kế Môi trường Sài Gòn	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật ngầm [1]	5.000.000.000	4.202.720.438	797.279.562	5.000.000.000	5.000.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-

[1] Khoản đầu tư vào Công ty CP Xây Dựng Hạ tầng Kỹ thuật ngầm với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty là 29,82%.

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33.039.626.468	33.039.626.468	17.367.974.530	17.367.974.530
- Ngắn hạn	27.939.626.468	27.939.626.468	17.367.974.530	17.367.974.530
Tiền gửi có kỳ hạn	27.939.626.468	27.939.626.468	17.367.974.530	17.367.974.530
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng [2]	17.939.626.468	17.939.626.468	17.367.974.530	17.367.974.530
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi [2]	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Dài hạn	5.100.000.000	5.100.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	5.100.000.000	5.100.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ Hưng [3]	5.100.000.000	5.100.000.000	-	-

[2] Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời gian thu hồi còn lại là dưới 12 tháng.

[3] Đây khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN có kỳ hạn gốc 24 tháng và thời gian thu hồi còn lại tại 31/12/2015 là 21,5 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị phải thu VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị phải thu VND	Giá trị dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	202.468.221.619	3.383.265.798	227.488.038.114	3.315.191.532
- Khu quản lý giao thông đô thị số 1	30.768.633.442	-	30.182.812.488	-
- Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM	104.686.469.986	-	133.649.296.712	-
- Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Nâng cấp Đô thị TP.HCM	3.624.908.645	-	11.554.621.723	-
- Tổng Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt nam	7.582.226.379	-	7.861.872.872	-
- Trung Tâm Quản Lý Đường Hàm Sông Sài Gòn	175.644.000	-	6.974.764.000	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích TNXP	6.282.859.000	-	2.624.760.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	2.867.266.782	-	3.267.266.782	-
- Khu quản lý giao thông đô thị số 2	3.354.623.756	-	3.354.623.756	-
- Khu quản lý giao thông đô thị số 3	3.383.265.798	3.383.265.798	3.383.265.798	3.315.191.532
- Công ty Cổ Phần Constrexim Meco	1.311.363.878	-	1.311.363.878	-
- Công ty CP đầu tư và xây dựng cấp thoát nước.	1.021.082.048	-	1.660.585.076	-
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Bình Chánh	429.842.538	-	946.479.340	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	36.980.035.367	-	20.716.325.689	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.103.441.732	-	27.250.264.384	-
- Ông Trương Công Đức	-	-	94.079.205	-
- Tạm ứng	13.352.505.433	-	26.672.545.037	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.068.020.078	-	267.078.000	-
- Kinh phí công đoàn	369.375.352	-	-	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	102.909.249	-	-	-
- Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ hóa học	112.320.000	-	112.320.000	-
- Công ty TNHH Hồng Lĩnh	40.000.000	-	40.000.000	-
- Phải thu khác	58.311.620	-	64.242.142	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.103.441.732	-	27.250.264.384	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2015			Tại 01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đã trích lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đã trích lập dự phòng
	VND	VND		VND	VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
+ Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	3.575.545.800	8.424.454.200
+ Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
+ Chi nhánh Tổng Công ty Sông Hồng tại TP.HCM	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
+ Khu quản lý giao thông đô thị số 3	3.383.265.798	-	3.383.265.798	3.383.265.798	-	3.315.191.532
+ Các khoản phải thu khác	472.981.375	74.250.000	398.731.375	472.981.375	104.309.506	368.671.869
Cộng	16.756.247.173	74.250.000	16.681.997.173	16.756.247.173	3.679.855.306	13.008.317.601

10. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.989.273.652	-	2.039.871.583	-
Công cụ, dụng cụ	652.872.115	-	676.442.115	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.681.172.180	-	7.247.369.731	-
Thành phẩm	105.748.997	-	2.543.971.455	-
Cộng	35.429.066.944	-	12.507.654.884	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác (*)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2015	25.635.562.706	59.868.151.264	175.359.185.620	3.250.130.532	58.504.103.734	322.617.133.856
- Mua trong năm	-	5.750.062.182	4.405.852.727	-	-	10.155.914.909
Tại 31/12/2015	25.635.562.706	65.618.213.446	179.765.038.347	3.250.130.532	58.504.103.734	332.773.048.765
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2015	8.527.216.971	47.391.098.522	137.691.216.420	969.358.803	-	194.578.890.716
- Khấu hao trong năm	928.593.588	3.471.589.191	17.890.217.646	819.932.061	-	23.110.332.486
Tại 31/12/2015	9.455.810.559	50.862.687.713	155.581.434.066	1.789.290.864	-	217.689.223.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2015	17.108.345.735	12.477.052.742	37.667.969.200	2.280.771.729	58.504.103.734	128.038.243.140
Tại 31/12/2015	16.179.752.147	14.755.525.733	24.183.604.281	1.460.839.668	58.504.103.734	115.083.825.563

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 104.525.042.703 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

(*) Tài sản cố định khác tạm tăng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở tài chính. Công ty không thực hiện trích khấu hao. Cụ thể:

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Giá trị
1	4815/QĐ-UBND	22/10/2007	Dự án " sản xuất các phay điều tiết nước và van một chiều"	409.232.647
2	4616/QĐ-STC-ĐTSC	16/05/2011	Dự án "Cải tạo hệ thống thoát nước đường Phạm Thế Hiển-Quận 8 đoạn từ cầu Nhị Thiên Đường đến cầu Mật"	11.390.613.399
3	3042/QĐ-UBND	14/06/2011	Dự án " Cải tạo Rạch Cầu Mè-Quận 11 giải quyết ngập khu vực Minh Phụng- Hàn Hải Nguyên"	16.063.960.127
4	7997/QĐ-STC-ĐTSC	28/07/2011	Dự án đầu tư "Lắp đặt hệ thống thoát nước đường An Dương Vương giải quyết ngập khu vực mũi tàu Phú Lâm-Quận 6"	20.737.487.689
5	4694/QĐ-STC	28/05/2012	Dự án đầu tư "Giải quyết ngập cho khu vực các đường Quận 1: Cô Giang- Cô Bắc- Nguyễn Khắc Nhu- Nguyễn Cư Trinh- Nguyễn Thái Học- Lê Lai"	9.902.809.872
Tổng cộng				58.504.103.734

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2015	933.120.000	1.155.290.500	2.088.410.500
- Mua trong năm	-	2.700.142.000	2.700.142.000
Tại 31/12/2015	933.120.000	3.855.432.500	4.788.552.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2015	-	79.019.693	79.019.693
- Khấu hao trong năm	-	326.465.761	326.465.761
Tại 31/12/2015	-	405.485.454	405.485.454
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2015	933.120.000	1.076.270.807	2.009.390.807
Tại 31/12/2015	933.120.000	3.449.947.046	4.383.067.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	8.121.327.338	8.121.327.338	8.209.563.746	8.209.563.746
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đậu xe Bình Mỹ, Củ Chi	7.128.840.270	7.128.840.270	7.128.840.270	7.128.840.270
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất xây dựng bãi đỗ bùn Trung An, Củ Chi	526.312.114	526.312.114	526.312.114	526.312.114
Chi phí xây dựng nhà xưởng lót ống Nhị Xuân	-	-	88.236.408	88.236.408
Chi phí xây dựng trạm tiếp nhận, chế biến và Xử lý bùn Đa Phước	466.174.954	466.174.954	466.174.954	466.174.954
Cộng	8.121.327.338	8.121.327.338	8.209.563.746	8.209.563.746

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	8.293.601.008	9.347.543.165
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	365.949.509	769.057.346
- Chi phí thuê đất (*)	7.927.651.499	8.112.110.819
- Sửa chữa xe	-	466.375.000
Cộng	8.293.601.008	9.347.543.165

(*) Là tiền thuê đất tại Lô 6, Cụm Công nghiệp Nhị Xuân theo Hợp đồng nguyên tắc số 124/HĐ-TNĐT-QLDA.TN ngày 23/07/2010 đến ngày 09/01/2058 nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	20.173.226.450	20.173.226.450	10.050.485.228	10.050.485.228
- Công ty TNHH Vạn Thịnh	-	-	1.407.271.272	1.407.271.272
- Công ty TNHH cơ khí xây dựng thương mại dịch vụ Vĩnh Kiên Thịnh	-	-	1.396.975.982	1.396.975.982
- Công ty cổ phần Hoàng Anh Trà Vinh	1.777.361.045	1.777.361.045	-	-
- Công ty cổ phần hóa chất cơ bản Miền Nam	752.301.000	752.301.000	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng vận tải thương mại Cường Thịnh	745.662.400	745.662.400	-	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất Hoàng Gia Phát	671.655.820	671.655.820	-	-
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu hóa chất Sinh Hòa	622.200.000	622.200.000	-	-
- Công ty TNHH Thông Đạt	611.998.200	611.998.200	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Nam Phát	544.500.000	544.500.000	-	-
- DNTN thương mại xây dựng vận tải Tấn Hải	529.222.056	529.222.056	-	-
- Công ty cổ phần giải pháp xây dựng HT	527.490.862	527.490.862	-	-
- Phải trả nhà cung cấp khác	13.390.835.067	13.390.835.067	7.246.237.974	7.246.237.974
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	57.149.553.012	56.040.874.065	79.665.309.744	33.525.117.333
- Thuế thu nhập cá nhân	3.514.814.474	5.096.171.553	7.585.688.284	1.025.297.743
Cộng	60.664.367.486	61.137.045.618	87.250.998.028	34.550.415.076
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	31.213.891.081	6.283.596.113	-	24.930.294.968
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	83.448.391	22.000.000	22.000.000	83.448.391
Cộng	31.297.339.472	6.283.596.113	-	25.013.743.359

(*) Bao gồm số thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa năm 2013 (căn cứ theo số liệu Báo cáo tài chính năm 2013 trước kiểm toán) với số tiền 20.416.423.474 đồng, chênh lệch phần nộp thừa thuế giữa Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và Biên bản kiểm tra của Chi cục Tài chính doanh nghiệp với số tiền là 8.283.412.663 đồng, chênh lệch số thuế nộp thêm do kê khai thuế năm 2012 thấp hơn so với số liệu ghi nhận trên Báo cáo tài chính năm 2012 căn cứ theo Báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước với số tiền 1.358.618.849 đồng, số thuế nộp thừa năm 2014 với số tiền 1.372.707.004 đồng và ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính năm 2014 với số thuế TNDN phải nộp tăng thêm số tiền 166.291.327 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.770.719.331	6.536.363.968
- Trích trước chi phí lãi vay	28.924.760	-
- Trích trước chi phí duy tu	-	1.561.093.663
- Trích trước chi phí cho các công trình ngoài	5.741.794.571	4.975.270.305
b) Dài hạn	-	-
Cộng	5.770.719.331	6.536.363.968

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	11.515.167.350	51.024.831.162
- Phải trả theo Biên Bản Chi Cục Tài chính năm 2012	2.487.687.040	43.000.000.000
- Phải trả thuế Thu nhập cá nhân và Bảo hiểm cho người lao động	-	926.916.877
- Phải trả tại các Xí nghiệp	5.370.426.334	4.723.836.711
- Công Đoàn Công ty TNHH một thành viên thoát nước đô thị TP.HCM	579.405.110	-
- Thu tiền bảo lãnh	89.696.862	89.696.862
- Phải trả về tiền ủng hộ Trường Sa do nhân viên đóng góp	-	100.700.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.937.952.004	2.183.680.712
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	11.515.167.350	51.024.831.162

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Tại 31/12/2015		Trong năm		Tại 01/01/2015	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
	- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 02 (*)	32.784.742.274	32.784.742.274	32.784.742.274	-	-	-
	- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
b)	Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
		32.784.742.274	32.784.742.274	37.784.742.274	5.000.000.000	-	-

(*) Là khoản vay ngắn hạn với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 02. Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 62/2015-HĐTDHM ngày 14/12/2015, số tiền vay theo hạn mức là 50.000.0000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức vay từ 14/12/2015 đến 30/11/2016. Thời hạn vay căn cứ trên các giấy nhận nợ, lãi suất vay tương ứng với từng thời điểm nhận nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

	Tại 31/12/2015		Tại 01/01/2015	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Vốn góp của Nhà nước	100%	240.326.426.678	100%	227.676.782.523
Cộng	100%	240.326.426.678	100%	227.676.782.523

20.2 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	10.296.053.344

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

20.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2014	227.676.782.523	58.504.103.734	10.296.053.344	25.629.682.146	322.106.621.747
- Lãi trong năm trước	-	-	-	17.729.602.835	17.729.602.835
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2014	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Tại 31/12/2014	227.676.782.523	58.504.103.734	10.296.053.344	29.359.284.981	325.836.224.582
Tại 01/01/2015	227.676.782.523	58.504.103.734	10.296.053.344	29.359.284.981	325.836.224.582
- Lãi trong năm	-	-	-	22.321.022.062	22.321.022.062
- Kết chuyển tăng vốn trong năm [1]	12.649.644.155	-	(10.296.053.344)	(2.353.590.811)	-
- Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành năm 2015 [2]	-	-	-	(8.925.250.000)	(8.925.250.000)
Tại 31/12/2015	240.326.426.678	58.504.103.734	-	40.401.466.232	339.231.996.644

[1]: Căn cứ Quyết định số 6245/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Thoát nước đô thị TP.HCM.

[2]: Công ty tạm trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2015 và sẽ trình Hội đồng Thành viên thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. NGUỒN KINH PHÍ

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
- Nguồn kinh phí đầu năm	3.812.954.028	4.033.619.122
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	(415.132.221)	(220.665.094)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	3.397.821.807	3.812.954.028

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Doanh thu	559.986.467.232	511.467.054.021
- Doanh thu duy tu	467.558.635.436	418.989.075.858
- Doanh thu công trình ngoài	92.427.831.796	92.477.978.163
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	92.427.831.796	92.477.978.163
	144.015.241.314	122.723.365.141
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC		
b) Doanh thu với các bên liên quan	-	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn duy tu	380.046.204.632	350.775.661.827
Giá vốn công trình ngoài	83.778.711.827	83.655.414.890
Cộng	463.824.916.459	434.431.076.717

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.878.963.652	5.012.292.911
Cổ tức, lợi nhuận được chia	42.817.660	-
Cộng	2.921.781.312	5.012.292.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	51.299.270	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	797.279.562	-
Cộng	848.578.832	-

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	70.280.094.172	56.926.878.799
- Chi phí nhân viên quản lý	37.567.911.858	38.165.546.804
- Chi phí vật liệu quản lý	356.893.303	1.165.254.805
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.821.144.374	2.213.460.161
- Chi phí khấu hao TSCĐ	8.810.499.010	1.003.360.203
- Thuế, phí và lệ phí	1.305.403.080	1.550.383.510
- Chi phí dự phòng	3.673.679.572	2.728.671.869
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	16.744.562.975	10.100.201.447
b. Các khoản chi phí bán hàng	-	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	439.800.000	142.000.000
Điều chỉnh BHXH theo Báo cáo Kiểm toán NN	-	957.216.310
Thu nhập khác	221.193.639	1.101.559
Cộng	660.993.639	1.100.317.869

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi nộp phạt thuế theo biên bản thanh tra thuế	-	2.382.888.160
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng từ nhiều năm trước	-	275.083.809
Chi phí khác	11.034.545	-
Cộng	11.034.545	2.657.971.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.604.618.175	23.563.737.316
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	-	2.955.055.778
- Chi phí không được trừ		2.955.055.778
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(42.817.660)	-
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(42.817.660)	-
Thu nhập tính thuế trong năm	28.561.800.515	26.518.793.094
Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.283.596.113	5.834.134.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.283.596.113	5.834.134.481

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: duy tu, xử lý nước thải và các công trình ngoài.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2015	Duy tu	Công trình ngoài	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	467.558.635.436	92.427.831.796	559.986.467.232
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	467.558.635.436	92.427.831.796	559.986.467.232
Chi phí bộ phận	(380.046.204.632)	(83.778.711.827)	(463.824.916.459)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.512.430.804	8.649.119.969	96.161.550.773
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(70.280.094.172)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			25.881.456.601
Doanh thu hoạt động tài chính			2.921.781.312
Chi phí tài chính			(848.578.832)
Chi phí bán hàng			-
Thu nhập khác			660.993.639
Chi phí khác			(11.034.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.283.596.113)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			22.321.022.062
Tổng tài sản			525.044.610.113
Tổng nợ phải trả			182.414.791.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)

Năm 2014	Duy tu VND	Công trình ngoài VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.989.075.858	92.477.978.163	511.467.054.021
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.989.075.858	92.477.978.163	511.467.054.021
Chi phí bộ phận	(350.775.661.827)	(83.655.414.890)	(434.431.076.717)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	68.213.414.031	8.822.563.273	77.035.977.304
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(56.926.878.799)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			20.109.098.505
Doanh thu hoạt động tài chính			5.012.292.911
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			1.100.317.869
Chi phí khác			(2.657.971.969)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.834.134.481)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.729.602.835
Tổng tài sản			559.527.120.245
Tổng nợ phải trả			229.877.941.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.379.492.840	82.133.336.840
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.939.626.468	17.367.974.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.537.160.745	215.057.439.860
Đầu tư dài hạn	9.302.720.438	6.500.000.000
Cộng	274.159.000.491	321.058.751.230
	Tại 31/12/2015	Tại 01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	32.784.742.274	-
Phải trả người bán và phải trả khác	31.688.393.800	61.075.316.390
Chi phí phải trả	5.770.719.331	6.536.363.968
Cộng	70.243.855.405	67.611.680.358

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm 2015, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty ít thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay do đó ít chịu rủi ro về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Vay và nợ ngắn hạn	32.784.742.274	-	32.784.742.274
Phải trả người bán và phải trả khác	31.688.393.800	-	31.688.393.800
Chi phí phải trả	5.770.719.331	-	5.770.719.331
Cộng	70.243.855.405	-	70.243.855.405
Tại 01/01/2015			
Phải trả người bán và phải trả khác	61.075.316.390	-	61.075.316.390
Chi phí phải trả	6.536.363.968	-	6.536.363.968
Cộng	67.611.680.358	-	67.611.680.358

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.379.492.840	-	49.379.492.840
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27.939.626.468	-	27.939.626.468
Phải thu khách hàng và phải thu khác	187.537.160.745	-	187.537.160.745
Đầu tư dài hạn	-	9.302.720.438	9.302.720.438
Cộng	264.856.280.053	9.302.720.438	274.159.000.491
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.133.336.840	-	82.133.336.840
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.367.974.530	-	17.367.974.530
Phải thu khách hàng và phải thu khác	215.057.439.860	-	215.057.439.860
Đầu tư dài hạn	-	6.500.000.000	6.500.000.000
Cộng	314.558.751.230	6.500.000.000	321.058.751.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Thành viên, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc	2.934.363.142	2.020.299.995
Tổng thu nhập Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc	2.262.780.376	1.616.183.042
Thu nhập của Ban kiểm soát	324.855.811	216.636.705
Tổng thu nhập của Kế toán trưởng	346.726.955	187.480.248

33. CÁC THÔNG TIN KHÁC

33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

33.2 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê nhà và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê nhà số 128/HĐTN-KD ngày 09 tháng 04 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê được gia hạn theo từng năm, bắt đầu thuê từ ngày 01/01/2013 với mức giá thuê thay đổi theo thời gian. Căn cứ theo Phụ lục số 63/PLĐC-QLKDN-KD ngày 15/03/2016, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 261.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê nhà số 129/HĐTN-KD ngày 09 tháng 04 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê từ 01/01/2013 đến 31/12/2015, với mức giá thuê thay đổi theo thời gian. Căn cứ theo Phụ lục số 05/PLĐC-QLKDN-KD ngày 02/03/2016, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2017, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 7.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 1517/HĐ-TNMT ngày 14/03/2014 với Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.716 m2 đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê đất hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất. Đơn giá thuê đất là 178.200 đồng/m2/năm, giá thuê áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 15/08/2010, sau đó đơn giá thuê đất sẽ được điều chỉnh từng lần theo thông báo của Sở Tài chính và Cục thuế thành phố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

33.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2014 của Kiểm toán nhà nước ngày /12/2015 và căn cứ Công văn số 5823/UBND-CNN ngày 28/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 18/QĐ-TNĐT-HĐTV của Hội đồng Thành viên Công ty ngày 03/11/2015 về việc phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2012. Đồng thời, căn cứ theo Quyết định số 12/QĐ-TNĐT-HĐTV ngày 3/8/2015 của Hội đồng Thành viên Công ty về việc trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty. Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2012, 2013 và năm 2014 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số kiểm toán 31/12/2014 VND	Số điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh 31/12/2014 VND	Ghi chú
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	31.514.610.381	(217.270.909)	31.297.339.472	[1]
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	60.657.684.093	6.683.393	60.664.367.486	[1]
Phải trả người lao động	314	68.483.518.215	(3.194.797.304)	65.288.720.911	[1]
Phải trả ngắn hạn khác	319	51.982.047.472	(957.216.310)	51.024.831.162	[1]
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14.704.663.658	16.632.666.667	31.337.330.325	[2]
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-	700.000.000	700.000.000	[3]
Quỹ đầu tư phát triển	418	8.186.469.180	2.109.584.164	10.296.053.344	[2]
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	44.873.476.500	(15.514.191.519)	29.359.284.981	[1], [3]
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	41.617.113.987	(15.987.431.841)	25.629.682.146	[1], [3]
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3.256.362.513	473.240.322	3.729.602.835	[1], [3]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chỉ tiêu	Mã số	Số kiểm toán Năm 2014 VND	Số điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh Năm 2014 VND	Ghi chú
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	56.660.173.720	266.705.079	56.926.878.799	[1], [3]
Thu nhập khác	31	143.101.559	957.216.310	1.100.317.869	[1]
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.616.863.572	217.270.909	5.834.134.481	[1], [3]
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	17.256.362.513	473.240.322	17.729.602.835	[1], [3]

Ghi chú

[1]: Điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2014 của Kiểm toán nhà nước ngày /12/2015.

[2]: Công văn số 5823/UBND-CNN ngày 28/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 18/QĐ-TNĐT-HĐTV của Hội đồng Thành viên Công ty ngày 03/11/2015 về việc phê duyệt báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2012.

[3]: Căn cứ theo Quyết định số 12/QĐ-TNĐT-HĐTV ngày 3/8/2015 của Hội đồng Thành viên Công ty về việc trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ từ lợi nhuận trước thuế năm 2014 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Như được nêu tại Thuyết minh số 3.1, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp nên một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2015
		theo QĐ 15/2006	theo TT 200/2014
		VND	VND
Bảng Cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	136	310.641.347	27.250.264.384
Tài sản ngắn hạn khác	155	26.939.623.037	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Anh Thư

Ngô Thanh Nhiên

Nguyễn Quốc Thái